

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 392/2018/DS-PT
Ngày 18/12/2018
V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng
đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Sáng
Ông Lê Hoàng Tấn

Thư ký phiên tòa: Bà Úc Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 21 tháng 06 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 534/2017/QĐPT-DS ngày 18 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960; (Có mặt)
 2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; (Có mặt)
- Cùng địa chỉ: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, bà L : Ông Mai Thanh N, sinh năm 1989; (Có mặt)

Địa chỉ: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Kim Ron T – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn:

1. Cụ Trần Thị H , sinh năm 1938. (Vắng mặt)

Địa chỉ: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ H : Ông Nguyễn Văn C , sinh năm 1961; (Có mặt)

Địa chỉ: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Hữu S , sinh năm 1957; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông S : Anh Nguyễn Hoàng N1 , sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Quyết T , sinh năm 1965; (Có mặt)

Địa chỉ: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Văn C , sinh năm 1961; (Có mặt)

Địa chỉ: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3. Ông Nguyễn Khắc N2, sinh năm 1957; (Vắng mặt)

Địa chỉ: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

4. Bà Nguyễn Thị Kim D , sinh năm 1963; (Vắng mặt)

Địa chỉ: huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

5. Bà Nguyễn Thị Lệ Q , sinh năm 1976; (Vắng mặt)

Địa chỉ: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1993; (Vắng mặt)

Địa chỉ: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D , ông N2, bà Q , bà H1: ông Nguyễn Văn C , sinh năm 1961; (Có mặt)

Địa chỉ: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

7. Bà Trần Thị Nguyệt Á , sinh năm 1953; (Vắng mặt)

8. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1988; (Vắng mặt)

9. Anh Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 1986; (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Á , ông N1, bà H2: ông Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 1986; (Có mặt)

Địa chỉ: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

10. Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa :
Ông Trần Văn L1 - Chủ tịch. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa:
Ông Nguyễn Minh T2 - Phó Chủ tịch UBND huyện Đức Hòa. (Vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị P , bà Bà Nguyễn Thị L .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị L do ông Mai Thành N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cô Nguyễn Văn Đ , chết năm 1963 để lại cho cháu là cô Nguyễn Văn T3 (khi để lại không có giấy tờ), khi cô T3 qua đời, cụ Nguyễn Văn K là người quản lý diện tích đất 13.431m² gồm các thửa đất số 04, 33, 34, 35 và thửa 28 tờ bản đồ số 7, xã An Ninh Tây. Cụ K quản lý đến năm 1964 thì đi tản cư, phần đất này bị bỏ hoang. Đến năm 1975, gia đình bà P , bà L quay lại quản lý sử dụng diện tích đất 13.431m² thì xảy ra tranh chấp nhưng chưa được chính quyền địa phương giải quyết.

Năm 1997, cụ Nguyễn Văn T4 được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) diện tích 7.107m² tại các thửa 5, 6 tờ bản đồ số 7, xã An Ninh Tây. Phần diện tích đất còn lại do cụ Nguyễn Thị Đ1 (vợ cụ Nguyễn Văn K) quản lý và đứng tên GCNQSDĐ. Trong quá trình cụ T4 quản lý, sử dụng, cụ T4 đã cho người cháu gọi bằng cậu là ông Nguyễn Hữu S diện tích 2.867m² gồm các thửa 31, 32 tờ bản đồ số 7, phần đất còn lại diện tích 4.240m² tại các thửa 5, 6 do cụ Nguyễn Văn T4 đứng tên GCNQSDĐ, hiện do cụ Trần Thị H và ông Nguyễn Quyết T1 (vợ, con cụ T4) quản lý, sử dụng.

Nay nguyên đơn yêu cầu cụ Trần Thị H , ông Nguyễn Quyết T1 và ông Nguyễn Hữu S trả lại diện tích đất 7.107m² nêu trên; yêu cầu hủy Quyết định cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/12/1997 của UBND huyện Đức Hòa cấp cho cụ Nguyễn Văn T4 đối với các thửa đất số 5, 6 TĐĐ số 7 tọa lạc tại huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; yêu cầu hủy Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/10/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Nguyễn Hữu S đối với các thửa đất số 31, 32 TĐĐ số 7 tọa lạc tại huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bị đơn - cụ Trần Thị H do ông Nguyễn Văn C đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Nguồn gốc phần đất có diện tích 4.240m² tại các thửa đất số 5, 6 TĐĐ số 7 tọa lạc tại xã An Ninh Tây là do trước năm 1945 cụ Nguyễn Văn T4 khai khẩn và trực tiếp quản lý, sử dụng. Ngày 26/12/1997, cụ T4 được UBND huyện Đức Hòa cấp GCNQSDĐ diện tích 7.359m² gồm các thửa 97 TĐĐ số 6, thửa số 5, 6 TĐĐ số 7 xã An Ninh Tây, trong đó, có thửa 5, 6 TĐĐ số 7, diện tích 4.240m² hiện bà P và bà L đang tranh chấp. Cụ T4 quản lý và sử dụng đến năm 2000 thì cụ T4 chết, hiện nay cụ Trần Thị H quản lý. Trên thửa số 5, cụ H xây căn nhà tường, lợp ngói vào năm 1980, ngoài ra còn có chuồng heo, ao cá và vườn cây. Cụ H không đồng ý yêu cầu của bà P và bà L.

Bị đơn - ông Nguyễn Hữu S do anh Nguyễn Hoàng N1 đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp 6.719m² gồm các thửa 31, 32, tờ bản đồ số 7 và thửa 44, tờ bản đồ số 13 ở xã An Ninh Tây là của cụ Nguyễn Văn T5 và cụ Nguyễn Thị C1 để lại cho ông S quản lý từ năm 1975 đến nay. Năm 1997, ông S được nhà nước cấp GCNQSDĐ. Trên thửa 32 ông S cất nhà, cột cây, lợp tôn và các cây trồng khác. Ông S không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Quyết T1 trình bày:

Ông Nguyễn Quyết T1 là con của cụ T4 và cụ H, hiện nay ông đang sống chung với cụ H trên phần đất tranh chấp ông T4 thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn C, không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Lệ Q, ông Nguyễn Khắc N2 và bà Nguyễn Thị Kim D, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 do ông Nguyễn Văn C trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa trình bày:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L700900 ngày 26/12/1997 cho cụ Nguyễn Văn T4 đối với các thửa đất số 05, 06 tờ bản đồ số 07, UBND xã An Ninh Tây là căn cứ vào việc sử dụng đất thực tế của cụ T4, căn cứ vào kết quả giải quyết tranh chấp của UBND huyện Đức Hòa tại Quyết định số 314/QĐ-UB ngày 14/7/1994 có nội dung: Giữ nguyên quyền sử dụng đất diện tích 6.143m² cho cụ T4. Từ đó, Hội đồng đăng ký đất đai của xã thống nhất đề nghị UBND huyện Đức Hòa cấp giấy CNQSDĐ cho cụ T4 theo đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng sử dụng đất.

Việc cấp GCNQSDĐ số L470584 ngày 30/10/1997 cho ông Nguyễn Hữu S đối với các thửa đất số 31, 32 tờ bản đồ số 07 là căn cứ vào việc sử dụng đất thực tế của ông Nguyễn Hữu S. Hội đồng đăng ký đất đai của xã An Ninh Tây thống nhất đề nghị UBND huyện Đức Hòa cấp giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Hữu S theo đúng quy định của pháp luật và đúng đối tượng sử dụng đất.

Hiện nay, UBND xã An Ninh Tây không còn lưu giữ hồ sơ xét cấp GCNQSDĐ (năm 1997) cho cụ Nguyễn Văn T4 và ông Nguyễn Hữu S do hồ sơ không còn lưu trữ đầy đủ.

Năm 1992, ông Nguyễn Văn R (anh ruột của bà Nguyễn Thị L) khiếu nại đòi lại phần đất mà cố Nguyễn Văn Đ đã cho cụ Nguyễn Văn T4 sử dụng; cố Đ là em ruột của ông cố ông Nguyễn Văn R. Ngày 14/7/1994, UBND huyện Đức Hòa có ban hành Quyết định hành chính số 314/QĐ-UB có nội dung giữ nguyên quyền sử dụng đất diện tích 6.143m² cho cụ T4 là đúng. Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ cho cụ T4, ông S (năm 1997), UBND xã An Ninh Tây dựa vào kết quả giải quyết tranh chấp đất nói trên để cấp giấy.

Trước khi cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho cụ Nguyễn Văn T vào ngày 26/12/1997 đối với các thửa 05, 06 tờ bản đồ số 07 và ông Nguyễn Hữu S vào ngày 30/10/1997 đối với thửa đất số 31, 32 tờ bản đồ số 07 thì cụ T và ông S đã đứng tên trong Sổ tổng hợp thửa chính thức lập ngày 24/4/1997, đây là sổ theo dõi nhằm phục vụ cho công tác điều tra, thống kê chủ sử dụng thửa đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 21/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

“Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Trần Thị H và những người liên quan ông Nguyễn Quyết T1, ông Nguyễn Văn C g, ông Nguyễn Khắc N2, bà Nguyễn Thị Kim D, bà Nguyễn Thị Lệ Q, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 tháo dỡ, di dời tài sản trả lại cho hai bà diện tích 4.240m² tại các thửa 5, 6 tờ bản đồ số 7 do ông Nguyễn Văn T4 đứng tên GCNQSDĐ hiện do bà H quản lý, sử dụng

và đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L700900 ngày 26/12/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Nguyễn Văn T đối với các thửa đất số 5, 6 TĐĐ số 7 tọa lạc tại xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu S và những người liên quan bà Trần Thị Nguyệt Á, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Hoàng N1 tháo dỡ, di dời tài sản trên đất để trả lại cho hai bà diện tích 2.867m² gồm các thửa 31, 32 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L470584 ngày 30/10/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Nguyễn Hữu S đối với các thửa đất số 31, 32 TĐĐ số 7 tọa lạc tại xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị L khởi kiện không được chấp nhận nên phải tự chịu toàn bộ lệ phí đo đạc 6.950.000đ, chi phí xem xét thẩm định giá 2.000.000đ đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.”

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/7/2017 bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xét xử lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị L do ông Mai Thành N đại diện theo uỷ quyền trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Ranh mốc đất gia đình cụ T4 được cố Đ cho mượn từ năm 1945 (sau này cụ T4 có cho ông S một phần) là đúng theo ranh mốc hiện nay gia đình cụ H và gia đình ông S đang sử dụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách đương sự chưa đầy đủ vì không đưa những người thừa kế còn lại của cụ K vào tham gia tố tụng. Chứng cứ thu thập chưa đầy đủ, có văn bản là bản pho to không có công chứng, chứng thực. Sai nghiêm trọng về việc thụ lý bổ sung. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn C đại diện cho cụ Trần Thị H trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì phần đất này do gia đình bị đơn sử dụng ổn

định từ những năm 1940, đã được UBND huyện Đức Hòa cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định pháp luật. Trước đây ông R đã có khiếu nại, UBND tỉnh Long An cũng đã có quyết định giải quyết khiếu nại không chấp nhận yêu cầu của ông R . Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu S do anh Nguyễn Hoàng N1 đại diện theo uỷ quyền trình bày: Phần đất này do cha, mẹ của ông S để lại cho ông S đứng tên trên GCNQSDĐ nên ông S không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Luật sư, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự này đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hoặc đã có văn bản uỷ quyền cho người khác có mặt tham gia phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Tại Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 14/7/1994 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Văn R với ông Nguyễn Văn T5 tại xã An Ninh Tây và Quyết định số 2062/QĐ-UB ngày 06/6/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn R đối với phần đất tọa lạc tại xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa có nội dung bác yêu cầu khiếu nại của ông R , giữ nguyên quyền sử dụng 6.143m² đất tại vị trí đang tranh chấp cho ông Nguyễn Văn T6 (tên thật là T4), hai quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, các Quyết định giải quyết nêu trên của UBND huyện Đức Hòa chỉ giải quyết tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn R (là con của cụ K) với cụ T4. Trong khi đó bà P với bà L cũng là con của cụ K nên khi bà P và bà L tiếp tục nộp đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng khu đất này và có thêm yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp

cho cụ H và ông S, do đó Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người thừa kế còn lại của cụ K vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, việc này cũng không làm ảnh hưởng đến tính đúng đắn của đường lối giải quyết vụ án. Do đó không phải là căn cứ để huỷ bản án sơ thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị L tranh chấp yêu cầu cụ Trần Thị H và ông Nguyễn Quyết T1 trả cho bà P, bà L khu đất 4.240m², thuộc thửa 05 và thửa 06, tờ bản đồ số 7 và yêu cầu ông Nguyễn Hữu S trả lại khu đất 2.867m² thuộc thửa 31 và thửa 32, tờ bản đồ số 7. Hai khu đất này đều tọa lạc tại xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh.

[2.2] Cụ Trần Thị H và ông Nguyễn Quyết T1 cho rằng, khu đất 4.240m², thuộc thửa 05 và thửa 06, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh là của cụ T4 khai khẩn trước năm 1945, đến năm 1997 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cụ T4 chết để lại cho vợ, con là cụ H và ông T1 sử dụng đến nay nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Ông Nguyễn Hữu S cho rằng diện tích 6.791m² đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ông S là cụ Nguyễn Văn T5 và cụ Nguyễn Thị C1 để lại cho ông S từ năm 1975 đến nay, ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đồng ý trả lại đất.

[2.3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị L :

[2.3.1] Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị L cho rằng vào năm 1963 cố Đ chết, do cố Đ không có con nên để lại diện tích đất này cho cháu gọi bằng chú là cố Nguyễn Văn T3. Khi cố T3 qua đời thì khu đất này do con của cố T3 là cụ Nguyễn Văn K tiếp tục sử dụng. Năm 1964 chạy giặc, tản cư thì khu đất bỏ hoang. Năm 1975 gia đình bà P, bà L quay về khiếu nại với chính quyền đòi đất và tranh chấp cho đến nay. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện thì bà P, bà L lại cho rằng khu đất tranh chấp do gia đình bà P, bà L sử dụng trước năm 1960, khi chạy giặc, tản cư thì giao lại cho cụ B và con của cụ B là bà Nguyễn Thị T7 canh tác, đến năm 1975 thì gia đình cụ B trả lại toàn bộ khu đất thì bị cụ T4 vào đe dọa, dành đất. Như vậy lời trình bày về quá trình sử dụng đất của bà P, bà L là không thống nhất.

[2.3.2] Theo đơn khiếu nại khiếu nại ngày 29 tháng 7 năm 1994 (bản pho to đã được bà P, bà L xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm là do ông R viết khi tranh

chấp đất) thì em ruột của bà P , bà L là ông Nguyễn Văn R trình bày và được Ủy ban nhân dân xã xác nhận ngày 04/8/1994 với nội dung khu đất tranh chấp do cố Đ giao cho cụ T4 vào những năm 1945, từ năm 1975 cụ T4 và cụ C1 (Mẹ ông S) đã có cất nhà trên khu đất tranh chấp (BL 124, 127). Những người làm chứng do bà P , bà L đưa ra, yêu cầu xác minh là ông Hồ Văn B1, ông Trần Văn L2, ông Nguyễn Văn B2 đều xác định vào khoảng năm 1949 đã thấy gia đình cụ T4 đã sử dụng đất, có nhà trên khu đất này và gia đình cụ T4, gia đình ông S vẫn sử dụng đất từ năm 1975 đến nay (BL 104, 188-190).

[2.3.3] Theo Quyết định số 2062/QĐ-UB ngày 06/6/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn R đối với 02 khu đất nêu trên có nội dung: “ *Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp các đương sự thừa nhận là của ông Nguyễn Văn Đ sử dụng từ trước năm 1945, diện tích khoảng 16.000m² loại đất gò. Ông Đ đã cất nhà ở và trồng cây ăn trái, còn lại phần đất hoang 6.143m² cho gia đình ông Nguyễn Văn T6 khai hoang, sử dụng để cất nhà ở, sau đó ông T6 tham gia kháng chiến. Năm 1975, ông T6 trở về sinh sống trên phần đất trước kia ông Đ đã cho và ông T6 được chính quyền cách mạng cấp 01 ha đất sản xuất nông nghiệp. Năm 1992, ông Nguyễn Văn R làm đơn gửi đến UBND xã An Ninh Tây khiếu nại đòi lại phần đất của ông Đ cho ông T6 sử dụng...*”. “*Bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn R . Lý do Đất ông Nguyễn Văn T6 được ông Nguyễn Văn Đ cho sử dụng ổn định từ trước năm 1975 đến nay... Đây là quyết định cuối cùng giải quyết việc này*”. Các đương sự đều thừa nhận tên “*ông Nguyễn Văn T6*” trong quyết định này là tên gọi khác của cụ Nguyễn Văn T4.

[2.3.4] Như vậy, có đủ căn cứ xác định khu đất của gia đình cụ T4 sử dụng và khai hoang khu đất tranh chấp từ những năm 1945, phần đất T4 cho gia đình ông S (theo nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện) thì gia đình ông S cũng đã sử dụng ổn định từ năm 1975 đến nay.

[2.3.5] Mặt khác, theo nguyên đơn trình bày thì cố Đ chết năm 1963, nên giả sử trước đây khi cố Đ chết có để lại đất cho cụ K được trực tiếp sử dụng thì cũng chỉ là phần đất chưa có ai sử dụng ngoài cố Đ , chứ không thể bao gồm khu đất mà gia đình cụ T4 đang trực tiếp sử dụng. Như vậy, không có cơ sở để công nhận lời trình bày của bà P , bà L . Bởi lẽ, cụ H , ông S không thừa nhận lời trình bày của bà P , bà L và cũng không có căn cứ nào bằng văn bản xác định cố Đ đã giao khu đất tranh chấp cho cố T3 hoặc cụ K . Hơn nữa, diện tích đất tranh chấp trước đây cố Đ , cụ K , cũng như gia đình bà P , bà L chưa được các cấp chính quyền qua các thời kỳ công nhận quyền sử dụng đất bằng văn bản. Trong khi đó cụ Nguyễn Văn T4 đã được UBND huyện Đức Hòa cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số L700900 ngày 26/12/1997 và ông Nguyễn Hữu S đã được UBND huyện Đức

Hòa cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số L470584 ngày 30/10/1997 đối với 02 khu đất tranh chấp. Bà P , bà L không đưa ra được chứng cứ hợp pháp nào để chứng minh cho lời trình bày của mình. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ và xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P , bà L là có căn cứ.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, bác yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P , bà Nguyễn Thị L và không chấp nhận ý kiến của Luật sư về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị P , bà Nguyễn Thị L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, Điều 166 Luật Đất đai 2013; Điều 160;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị L ; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

2.1. Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị L yêu cầu cụ Trần Thị H và những người liên quan ông Nguyễn Quyết T1, ông Nguyễn Văn C , ông Nguyễn Khắc N2, bà Nguyễn Thị Kim D , bà Nguyễn Thị Lệ Q , bà Nguyễn Thị Ngọc H1 tháo dỡ, di dời tài sản trả lại cho hai bà diện tích 4.240m² tại các thửa 5, 6 tờ bản đồ số 7 do cụ Nguyễn Văn T4 đứng tên GCNQSDĐ hiện do cụ H quản lý, sử dụng và đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L700900 ngày 26/12/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho cụ Nguyễn Văn T4 đối với các thửa đất số 5, 6 TĐĐ số 7 tọa lạc tại xã An Ninh Tây, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An;

2.2. Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu S và những người liên quan bà Trần Thị Nguyệt Á , bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Hoàng N1 tháo dỡ, di dời tài sản trên đất để trả lại cho hai bà diện tích

2.867m² gồm các thửa 31, 32 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L470584 ngày 30/10/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Nguyễn Hữu S đối với các thửa đất số 31, 32 TĐĐ số 7 tọa lạc tại xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3. Về án phí và lệ phí tòa án:

3.1. Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ lệ phí đo đạc 6.950.000đ và chi phí xem xét thẩm định giá 2.000.000đ các khoản này đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị L phải chịu, nhưng là con liệt sỹ nên được xét miễn nộp. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà P, bà L mỗi người 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm ngàn đồng) theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001676 và 0001677 ngày 20/3/2015 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3.3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 600.000đ bà Phương, bà Lữ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009647 và 0006957 ngày 24/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An được trừ vào tiền án phí phúc thẩm bà P, bà L phải chịu.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
 - VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
 - TAND tỉnh Long An (1);
 - VKSND tỉnh Long An (1);
 - Cục THADS tỉnh Long An (1);
 - Các đương sự (17);
 - Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 26b;
- T.Thuý

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huỳnh